

Bản án số: 205/2024/DS - PT

Ngày: 24/6/2024

V/v: “*Tranh chấp thừa kế*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Văn Tào

Các Thẩm phán: ông Trần Đức Kiên

bà Trần Thị Kim Liên

- *Thư ký phiên tòa:* bà Văn Thị Mỹ Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* ông Đoàn Ngọc Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 37/2024/TLPT- DS ngày 15 tháng 02 năm 2024, về việc “*Tranh chấp thừa kế*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 42/2023/DS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1117/2024/QĐ-PT ngày 10 tháng 6 năm 2024; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: ông Vũ Trọng K, sinh năm 1946; địa chỉ: 8 N, Phường E, thành phố T, tỉnh Phú Yên; địa chỉ liên hệ: thôn N, xã B, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Vũ Trọng K: bà Vũ Thị Đ, sinh năm 1969; địa chỉ: thôn P, xã H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Thanh M – Công ty L2, Đoàn Luật sư tỉnh P. Có mặt.

- Bị đơn:

1. Bà Võ Thị Đ1, sinh năm 1937 (chết ngày 27/10/2023).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Võ Văn T, sinh năm 1968; Võ Văn T1, sinh năm 1970; địa chỉ: xã C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa.

2. Ông Võ Văn Q, sinh năm 1969; địa chỉ: khu phố E, đường N, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Võ Trọng K1, sinh năm 1943 (chết ngày 16/8/2023) và vợ Nguyễn Thị C, sinh năm 1940, có các con tên Võ Trọng K2, Võ Trọng K3; địa chỉ: A SABOT LANE B HUNTINGTON BEACH, CA 92647 USA. Vắng.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị C: ông Võ Trọng K3, sinh năm 1975; địa chỉ: 12722 RANCHERO WAY – GARDEN GROVE – CA 92834 – HOA KỲ; địa chỉ liên hệ: số D N, phường E, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

2. Bà Huỳnh Thị N (vợ ông Vũ Ngọc T2, ông T2 chết từ hơn 40 năm trước), cùng các con gồm: Vũ Thái H, Vũ Thị P, Vũ Thị L, Vũ Thị D); địa chỉ: I SIERRA NEVADA WAY ORANGE CA 92865 USA. Vắng.

3. Ông Lê Văn A, sinh năm 1926 (chồng bà Võ Thị T3, bà T4 chết năm 2016) cùng các con: Lê Tấn H1, Lê Tùng C1, Lê Văn K4, Lê Thị K5, Lê Thị H2); địa chỉ: khu phố C, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng.

4. Bà Lưu Thị X (vợ ông Võ Á, ông Á chết năm 2012) cùng các con: Võ Khắc Đ2, Võ Văn S, Võ Văn V, Võ Văn Q, Võ Văn D1 và Võ Thị X1; địa chỉ: KP P, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên. Vắng.

5. Bà Võ Thị T5, sinh năm 1923; địa chỉ: tổ dân phố H, phường C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. Vắng.

Người kháng cáo: Bị đơn ông Võ Văn Q và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Trọng K3.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Võ Trọng K, người đại diện theo ủy quyền bà Vũ Thị Đ thống nhất trình bày:**

Nguyên vào năm 1963, vợ chồng anh tôi là Võ Ngọc T6, vợ Huỳnh Thị N khai phá 01 đám đất. Năm 1964, anh chị tôi cất lên 01 ngôi nhà tranh vách đất cho tôi và mẹ Trần Thị N1 ở trông coi đất, hiện nay tọa lạc tại số D N, phường E, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Năm 1966, anh chị tôi làm tờ “Giao hứa chuyển nhượng nhà đất” cho mẹ con tôi, diện tích đất là 352m² được chia làm 02 phần: Tôi ở phần phía Nam, mẹ tôi ở phần phía Bắc, tại tờ giao hứa này ghi rõ: Khi nào mẹ tôi qua đời thì tôi được trọn quyền quyết định phần đất của mẹ tôi. Năm 1970, tôi chuyển vào Khánh Hòa nên mẹ tôi quản lý, trông coi toàn bộ nhà đất nói trên. Năm 1971,

ông Võ Trọng K1 cưới bà Nguyễn Thị C, mẹ tôi cho vợ chồng ông K1, bà C ở nhờ trong nhà đất này nhưng chỉ có bà C ở phần nhà đất này. Năm 1975, ông K1 đi học tập cải tạo, năm 1980 về và ở cùng mẹ trong nhà đất trên. Năm 1986, ông K1 tự ý dỡ nhà của tôi và xây lại bằng nhà ngói, vách gạch trên nền móng cũ có diện tích 8m x 6m. Trong đơn xin sửa nhà được ông Ngô Tấn L1 – Phó chủ tịch UBND phường E xác nhận, ông K1 ghi “nhà này do mẹ tôi cất vào năm 1963”. Năm 1991, ông K1 xuất cảnh đi Mỹ, vì không có tiền để ông K1 đi Mỹ nên mẹ tôi đứng tên thực nhà cho vợ chồng ông Lê Đăng B. Năm 1997, mẹ tôi qua đời. Năm 2000, hết hạn thực nhà, vợ chồng ông B trả lại nhà cho tôi quản lý và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế nhà đất cho đến nay. Trong thời gian này, vì các con tôi đi học xa nên vợ chồng tôi không thể trông coi nhà nên cho chị ruột Võ Thị Đ1 và cháu ruột Võ Văn Q tạm trú nhưng ở luôn không chịu trả lại nhà cho tôi, khi tôi đòi thì nói nhà này của ông K1, bà C.

Tôi thực hiện quyền khởi kiện từ tháng 7/2005 đến tháng 11/2010 được TAND tỉnh Phú Yên thụ lý giải quyết. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2016/DSST ngày 10/11/2016 của TAND tỉnh Phú Yên công nhận cho tôi được quyền sở hữu nhà đất tại số D N, phường E, thành phố T, tỉnh Phú Yên và buộc bà Võ Thị Đ1, ông Võ Văn Q trả lại nhà đất cho tôi. Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 39/2018/DSPT ngày 15/3/2018 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng đã sửa Bản án sơ thẩm tuyên bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của tôi.

Tuy nhiên, tại phần nhận định [14] và [15] của bản án số 39 nhận định nhà đất tại số D N là di sản của mẹ Trần Thị N1, cho các đương sự được tự thỏa thuận phân chia thừa kế nhưng bà Đ1 và ông Q không thỏa thuận nên tôi đã làm đơn khởi kiện. Hiện nay, nhà đất đã bị Nhà nước thu hồi giải tỏa làm đường N, tại Điều 1 của QĐ số 2302/QĐ-UBND ngày 27/5/2019 của UBND thành phố T, ghi “Thu hồi 132m² đất, loại đất ở đô thị của hộ ông (bà) Nguyễn Thị C và Vũ Trọng K (trú tại 4 N, phường E, TP T, tỉnh Phú Yên) thuộc thửa đất trích đo số 520, tờ bản đồ số 9”. Tại Điều 1 của QĐ số 2479/QĐ-UBND ngày 29/5/2019 của UBND thành phố T quyết định chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho hộ Nguyễn Thị C và Vũ Trọng K tổng số tiền 1.292.133.413đ. Trong khi tranh chấp giữa tôi và Võ Thị Đ1, Võ Văn Q chưa được Tòa án giải quyết thì UBND phường 5 chi tiền bồi thường nhà, cây trồng, di chuyển cho ông Võ Văn Q nhận số tiền 332.493.413đ là không đúng quy định pháp luật.

Tôi yêu cầu Tòa công nhận tài sản gồm tổng diện tích đất tranh chấp qua đo đạc thực tế khi nhà nước tiến hành thủ tục thu hồi đất được xác định là 341m², đã thu hồi 132m² gắn với căn nhà của mẹ tôi với số tiền bồi thường là 1.292.133.413đ, phần diện tích đất còn lại là 209m² là di sản của mẹ tôi Trần Thị N1. Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận cho tôi được hưởng giá trị di sản thừa kế của mẹ tôi để lại phần phía Nam còn phần phía Bắc thì giao cho vợ chồng ông Võ Trọng K1 và bà Nguyễn Thị C toàn quyền quyết định xử lý.

Cha mẹ tôi tên Trần Thị N1, sinh năm 1899 (chết năm 1997), Võ H3, sinh năm 1898 (chết năm 1954); sinh được 07 người con gồm: (1) Võ Thị T3 (chết), có chồng tên Lê Văn A và các con gồm: Lê Tấn H1, Lê Tùng C1, Lê Văn K4, Lê Thị K5, Lê Thị H2; (2) Võ Á (sinh năm 1933, chết năm 2012), có vợ tên Lưu Thị X và các con tên Võ Khắc Đ2, Võ Văn S, Võ Văn V, Võ Văn Q, Võ Văn D1; (3) Vũ Ngọc T2 (chết) có vợ Huỳnh Thị N, các con tên Vũ Thái H, Vũ Thị P, Vũ Thị L, Vũ Thị D; (4) Võ Thị T5; (5) Võ Thị Đ1; (6) Võ Trọng K1 (chết vào ngày 16/8/2023), có vợ tên Nguyễn Thị C, con tên Võ Trọng K3, Võ Trọng K2; (7) Vũ Trọng K.

**** Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Võ Văn Q trình bày:***

Cha mẹ tôi tên Võ Á (chết năm 2012), Lưu Thị X. Cha mẹ tôi sinh được 06 người con gồm: Võ Khắc Đ2, sinh năm 1960 (KP P, phường H, thị xã Đ); Võ Thị X1, sinh năm 1963 (Hòa Hiệp T); Võ Văn S, sinh năm 1966 (Hòa Hiệp T); Võ Văn V, sinh năm 1968 (KP P, phường H); Võ Văn Q (là tôi); Võ Văn D1, sinh năm 1972 (KP P, phường H).

Đối với thửa đất hiện nay ông Vũ Trọng K đang khởi kiện, vào năm 2000, khi ông Lê Đăng B trả lại nhà đất sau thời gian thực nhà của chú ruột tôi (Võ Trọng K1, Nguyễn Thị C), vợ chồng chú tôi lúc đó đang ở Mỹ về lại Việt Nam nhận nhà rồi cho cô ruột Võ Thị Đ1 và tôi ở để trông coi nhà giùm cho vợ chồng chú. Đến năm 2002, chú K cho rằng nhà đất tại số D N, phường E, thành phố T thuộc quyền sở hữu của ông nên khởi kiện. Qua 02 cấp xét xử, nay ông K căn cứ Bản án phúc thẩm số 39/2018/DSPT ngày 15/3/2018 để kiện chia thừa kế đối với nhà đất nói trên, theo ý kiến của tôi thì tôi được vợ chồng chú K1, thím C nói rằng nhà đất này là sở hữu của vợ chồng chú, Bản án phúc thẩm nêu “có thể là di sản của cụ Trần Thị N1”, chú K1 đang ở Mỹ không thể làm các thủ tục khiếu nại giám đốc thẩm, nên Bản án này có hiệu lực pháp luật. Nay TAND tỉnh Phú Yên đã thụ lý vụ án tranh chấp di sản thừa kế theo đơn khởi kiện của ông Vũ Trọng K thì đề nghị Tòa xem xét tất cả các tài liệu chứng cứ liên quan đến quyền sở hữu tài sản này để giải quyết theo quy định của pháp luật. Đối với mẹ và các anh chị em của tôi cũng đã nhận thông báo của Tòa nhưng không ai tham gia vì đều biết tài sản này của chú K1. Trường hợp Tòa án xác định đó là di sản của bà nội tôi Trần Thị N1 thì Tòa xem xét theo quy định của pháp luật. Hiện nay, nhà đất này đã bị nhà nước thu hồi, giải tỏa làm đường N, đã đền bù cho chú K1, do tôi được chú K1 ủy quyền nên đã nhận được khoản tiền hơn 300 triệu, tôi đã chuyển số tiền trên theo đường W cho chú K1, tài liệu về việc chuyển tiền đã thất lạc.

**** Quá trình giải quyết vụ án, tại đơn trình bày đề ngày 06/01/2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Đ1 trình bày:*** Xác định nhà đất tọa lạc tại số D N, phường E, thành phố T, tỉnh Phú Yên là tài sản của vợ chồng Võ Trọng K1, Nguyễn Thị C xây dựng năm 1963, sửa lại năm 1971 và năm 1986 thực nhà cho ông Lê Đăng B từ năm 1991 đến năm 2000 lấy lại nhà

và ủy quyền cho bà trông coi, quản lý, hương khói cho ông bà. Ngày 21/8/2018, ông K tiếp tục khởi kiện chia thừa kế, bà Đ1 khẳng định ông K chưa bao giờ ở và quản lý căn nhà này, không liên quan gì đến di sản thừa kế. Mẹ Trần Thị N1 được các anh chị em thống nhất để cho ông Vũ Trọng K phụng dưỡng và mất năm 1997 tại nhà ông K ở số H N, phường E, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vợ chồng ông** Võ Trọng K1, bà Nguyễn Thị C, **vợ chồng ông** Võ Ngọc T6, bà Huỳnh Thị N, **ông** Lê Văn A **cùng các con, bà** Lưu Thị X **cùng các con, bà** Võ Thị T5 **vắng mặt không trình bày.**

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 42/2023/DS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2023, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên quyết định:

Căn cứ các Điều 26, 35, 37, 147, 157 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 79, 167, 169, 186, 188 Luật đất đai 2013;

Các Điều 609, 610, 611, 612, 613, 649, 650, 651, 652, 680 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Vũ Trọng K chia di sản thừa kế của cụ Trần Thị N1 để lại đối với diện tích đất tọa lạc tại số D N, phường E, thành phố T, tỉnh Phú Yên, cụ thể như sau:

- Ông Vũ Trọng K được nhận thừa kế bằng hiện vật đối với toàn bộ diện tích đất 204,4m² tại thửa đất số 520 tờ trích đo bản đồ địa chính số 9 tọa lạc tại 43/15 N, phường E, thành phố T, tỉnh Phú Yên (theo mảnh trích đo chính lý bản đồ địa chính số 03/2023 do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh P lập ngày 12/5/2023) và được sở hữu toàn bộ cây trồng gồm 01 cây vú sữa, 01 cây xoài, 01 cây mít, 08 cây chuối, 05 cây đu đủ, 01 cây quýt, nhà vệ sinh, móng đá chẻ, giếng đào, rào lưới B40, trại tạm trên đất (theo biên bản định giá tài sản lập ngày 22/6/2023) đồng thời thanh toán cho ông Võ Văn Q số tiền 7.404.000đ (Bảy triệu bốn trăm lẻ bốn nghìn đồng) giá trị phần cây trồng, vật kiến trúc trên đất.

Ông K có trách nhiệm thanh toán kỹ phần thừa kế cho:

+ Những người thừa kế của ông Vũ Ngọc T2 gồm các con tên Vũ Thái H, Vũ Thị P, Vũ Thị L, Vũ Thị D số tiền 1.486.131.428đ (Một tỷ bốn trăm tám mươi sáu triệu một trăm ba mươi một nghìn bốn trăm hai mươi tám đồng), số tiền này giao cho ông Vũ Trọng K tạm quản lý cho họ.

+ Những người thừa kế của ông Võ Trọng K1 (vợ tên Nguyễn Thị C, các con tên Võ Trọng K3, Võ Trọng K2) số tiền 1.486.131.428đ (Một tỷ bốn trăm

tám mươi sáu triệu một trăm ba mươi một nghìn bốn trăm hai mươi tám đồng), số tiền này giao cho ông Võ Văn Q tạm quản lý cho họ.

+ Bà Võ Thị Đ1 số tiền 1.246.221.428đ (Một tỷ hai trăm bốn mươi sáu triệu hai trăm hai mươi một nghìn bốn trăm hai mươi tám đồng).

+ Bà Võ Thị T5 số tiền 1.246.221.428đ (Một tỷ hai trăm bốn mươi sáu triệu hai trăm hai mươi một nghìn bốn trăm hai mươi tám đồng).

+ Những người thừa kế của ông Võ Á (gồm vợ tên Lưu Thị X, các con Võ Khắc Đ2, Võ Văn S, Võ Văn V, Võ Văn Q, Võ Văn D1) số tiền 1.246.221.428đ (Một tỷ hai trăm bốn mươi sáu triệu hai trăm hai mươi một nghìn bốn trăm hai mươi tám đồng).

+ Những người thừa kế của bà Võ Thị T3 (chồng tên Lê Văn A, các con gồm: Lê Tấn H1, Lê Tùng C1, Lê Văn K4, Lê Thị K5, Lê Thị H2) số tiền 1.246.221.428đ (Một tỷ hai trăm bốn mươi sáu triệu hai trăm hai mươi một nghìn bốn trăm hai mươi tám đồng).

- Bà Võ Thị Đ1, bà Võ Thị T5, những người thừa kế của ông Võ Á (gồm vợ tên Lưu Thị X, các con Võ Khắc Đ2, Võ Văn S, Võ Văn V, Võ Văn Q, Võ Văn D1), những người thừa kế của bà Võ Thị T3 (chồng tên Lê Văn A, các con gồm: Lê Tấn H1, Lê Tùng C1, Lê Văn K4, Lê Thị K5, Lê Thị H2) được quyền liên hệ với Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố T để nhận số tiền bồi thường về đất 959.640.000đ (mỗi người thừa kế sẽ liên hệ nhận số tiền 959.640.000đ/4 = 239.910.000đ (Hai trăm ba mươi chín triệu chín trăm mười nghìn đồng) (Dự án: đường Đ và đường N nối dài (đoạn từ đường NB4 đến N và đoạn từ đường Nguyễn H4 đến đường T).

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Vũ Trọng K yêu cầu chia di sản là ngôi nhà tọa lạc tại số D N, phường E, thành phố T, tỉnh Phú Yên, tài sản này được xác định là thuộc sở hữu của ông Võ Trọng K1, bà Nguyễn Thị C do đó phần bồi thường về nhà, công trình: 325.259.413đ, bồi thường về cây trồng: 2.234.000đ, bồi thường di chuyển: 5.000.000đ mà Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố T đã chi trả cho ông Võ Văn Q nhận thay tổng cộng số tiền 332.493.413đ (Ba trăm ba mươi hai triệu bốn trăm chín mươi ba nghìn bốn trăm mười ba đồng), ông Võ Văn Q có trách nhiệm giao trả lại cho những người thừa kế của ông Võ Trọng K1 khi họ có yêu cầu.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo và thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 20/11 và ngày 27/11/2023, bị đơn ông Võ Văn Q và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Trọng K3 kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án:

- Về việc chấp hành pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Võ Văn Q và ông Võ Trọng K3; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh luận; Xét thấy:

[1] Xét kháng cáo của ông Võ Văn Q và ông Võ Trọng K3; nhận thấy:

[1.1]. Về diện, hàng thừa kế của cụ Trần Thị N1 và cụ Võ H3: Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đều thống nhất như án sơ thẩm đã xác định và không có khiếu nại gì, nên không xem xét.

[1.2]. Về nguồn gốc tài sản tranh chấp:

[1.2.1]. Về tài sản trên diện tích đất 341 m², thửa đất số 520, tờ bản đồ số 09, tọa lạc tại số D N, phường E, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Tại phiên tòa các đương sự đều thống nhất căn nhà cấp 4 và các công trình phụ, cây trồng trên diện tích đất là tài sản của vợ chồng ông Võ Trọng K1, bà Nguyễn Thị C tạo lập; sự thừa nhận của các đương sự phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

[1.2.2]. Về diện tích đất 341 m², thửa đất số 520, tờ bản đồ số 09, tọa lạc tại số D N, phường E, thành phố T, tỉnh Phú Yên; xét thấy:

- Tại “Đơn xin sửa nhà” ngày 12/3/1986, ông Lê Trọng K6 xác định: *“Nguyên trước đây mẹ tôi là Trần Thị N1, 85 tuổi có cất một ngôi nhà tranh vách đất, tôi là con đang ở chung với mẹ trong ngôi nhà này, vì thời gian lâu quá nhà đã bị hư nặng, vách xiêu, tranh mục ... nên xin quý cấp cứu xét cho tôi được tu sửa lại ngôi nhà này...”*;

- Tại “Giấy cam đoan quyền sở hữu chủ” do ông Lê Trọng K6 lập ngày 03/12/1990, cũng xác định: *“Ngôi nhà này do vợ chồng tôi xây cất từ năm 1971. Đất xây cất là đất công do mẹ tôi khai phá từ năm 1964...”*.

- Thời điểm từ năm 2005 đến năm 2018, ông Vũ Trọng K đã khởi kiện yêu cầu xác định ông là chủ sở hữu nhà ở và chủ sử dụng thửa đất nêu trên, được Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên thụ lý và xét xử tại Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2016/DSST ngày 10/11/2016 công nhận cho ông K được quyền sở hữu nhà đất tại số D N, phường E, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Tuy nhiên, tại Bản án dân sự phúc thẩm số 39/2018/DSPT ngày 15/3/2018 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng đã sửa Bản án sơ thẩm tuyên bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông K; với nhận định tại Mục [14] và [15] của bản án xác định: *“Thửa đất tại số D N là di sản của cụ Trần Thị N1”*.

[2]. Từ phân tích trên, án sơ thẩm xác định diện tích đất tọa lạc tại số D N, phường E, thành phố T, tỉnh Phú Yên là di sản của cụ Trần Thị N1, nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về chia di sản thừa kế; còn căn nhà cấp 4 và các công trình phụ, cây trồng trên đất là tài sản của vợ chồng ông Võ Trọng K1, bà Nguyễn Thị C tạo lập, là có căn cứ, đúng pháp luật. Ông Võ Văn Q và ông Võ Trọng K3 kháng cáo nhưng không có tài liệu, chứng cứ nào mới có thể làm thay đổi nội dung vụ án, nên không có căn cứ để chấp nhận; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4]. Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Võ Văn Q và ông Võ Trọng K3 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ Luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Bác kháng cáo của ông Võ Văn Q và ông Võ Trọng K3; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 42/2023/DSST ngày 06/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

2. Về án phí phúc thẩm: Ông Võ Văn Q và ông Võ Trọng K3 mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng tại các Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013283 và số 0013284 ngày 18/12/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên (Đã nộp đủ).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Cục THADS tỉnh Phú Yên;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tào